

PHỤ LỤC XVI
DANH MỤC THÔNG TIN CỦA BỘ Y TẾ KẾT NỐI CHIA SẺ QUA CÔNG THÔNG TIN MỘT CỦA QUỐC GIA

Stt	Loại thông tin	Chi tiết thông tin	Hình thức cập nhật, trao đổi, chia sẻ			Thời điểm cập nhật	Bắt buộc	Mục đích sử dụng	Quy định hiện hành có liên quan	Đánh giá	Đơn vị sử dụng	Ghi chú
	(Thông tin các Bộ, Ngành, UBND, các Tổ chức trao đổi, chia sẻ)	(Các chỉ tiêu cho từng loại thông tin)	Tư động (Tự động chia sẻ thông tin với hệ thống 1 cửa)	Truy vấn (Chức năng trên hệ thống một cửa để tìm kiếm, khai thác, kết xuất thông tin)	Cập nhật trực tiếp (Chức năng trên hệ thống 1 cửa để các Bộ/Ngành cập nhật thông tin trực tiếp)	(Quy định rõ thời điểm cập nhật, chia sẻ thông tin)	(Bắt buộc phải cung cấp, chia sẻ, cập nhật trên hệ thống 1 cửa)	(Mục đích sử dụng của các đơn vị Vụ/Cục đối với từng loại thông tin của Bộ/ Ngành/UBND và các Tổ chức)	(Cơ sở pháp lý của việc đề xuất)	(Đánh giá mức độ phù hợp về nội dung, cấp độ văn bản, kiến nghị...)	(Bộ/ Ngành được phép khai thác sử dụng) - Xem tại file Bảng mã	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
A	Thông tin về chính sách quản lý chuyên ngành đối với hàng hóa XNK											
A.1	Thông tin về Hàng hóa XK, NK thuộc chính sách quản lý chuyên ngành										1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
1	Hàng hóa thuộc chính sách cấm XK, NK	Số hiệu văn bản	x	x		Y. Tài theo lô dữ liệu; Oh hàng ngày	x	A. Hỗ trợ phân loại rủi ro, phân luồng, kiểm tra, giám sát trong thủ tục hải quan và hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Ngày ban hành văn bản	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Trích yếu văn bản	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Ngày hiệu lực	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Mã số HS	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Danh mục hàng hóa	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Tên hàng.	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Nhóm hàng hóa	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Xuất xứ hàng hóa (nếu có)	x	x		nt		nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Nội dung quy định khác (nếu có)	x	x		nt		nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
2	Hàng hóa thuộc chính sách tạm ngừng XK, NK	Số hiệu văn bản	x	x		Y. Tài theo lô dữ liệu; Oh hàng ngày	x	A. Hỗ trợ phân loại rủi ro, phân luồng, kiểm tra, giám sát trong thủ tục hải quan và hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Ngày ban hành văn bản	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Trích yếu văn bản	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Ngày hiệu lực	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Mã số HS	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Danh mục hàng hóa	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Tên hàng	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Nhóm hàng hóa	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Xuất xứ hàng hóa (nếu có)	x	x		nt		nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Nội dung quy định khác (nếu có)	x	x		nt		nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	

3	Hàng hóa thuộc chính sách cấp giấy phép: - Xuất khẩu, nhập khẩu Thuốc phải kiểm soát đặc biệt; - Xuất khẩu nguyên liệu làm thuốc là được chất hướng thần, được chất gây nghiện, tiền chất dùng làm thuốc; - Xuất khẩu Dược liệu thuộc danh mục loài, chủng loại được liệu quý, hiếm, đặc hữu phải kiểm soát; - Nhập khẩu được liệu không sử dụng làm mẫu kiểm nghiệm, nghiên cứu thuốc, tham gia trưng bày tại triển lãm, hội chợ, sản xuất thuốc xuất khẩu, sản xuất thuốc phục vụ yêu cầu quốc phòng, an ninh, phòng, chống dịch bệnh, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa. - Nhập khẩu Thuốc, nguyên liệu làm thuốc chưa có giấy đăng ký lưu hành thuốc tại Việt Nam; - Nhập khẩu thuốc đáp ứng yêu cầu điều trị đặc biệt; - Nhập khẩu thuốc có cùng tên thương mại, thành phần hoạt chất, hàm lượng hoặc nồng độ, dạng bào chế với biệt được gốc có giấy đăng ký lưu hành thuốc tại Việt Nam, được sản xuất bởi	Số hiệu văn bản	x	x		Y. Tái theo lô dữ liệu; Oh hàng ngày	x	A. Hỗ trợ phân loại rủi ro, phân luồng, kiểm tra, giám sát trong thủ tục hải quan và hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; 5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1.2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20
		Ngày ban hành văn bản	x	x		nt	x	nt			1.2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20
		Trích yếu văn bản	x	x		nt	x	nt			1.2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20
		Ngày hiệu lực	x	x		nt	x	nt			1.2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20
		Mã số HS	x	x		nt	x	nt			1.2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20
		Danh mục hàng hóa	x	x		nt	x	nt			1.2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20
		Tên hàng.	x	x		nt	x	nt			1.2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20
		Nhóm hàng hóa	x	x		nt	x	nt			1.2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20
		Xuất xứ hàng hóa	x	x		nt		nt			1.2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20
		Nội dung quy định khác (nếu có)	x	x		nt		nt			1.2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20
4	Hàng hóa thuộc chính sách cấp số đăng ký lưu hành (thuốc, được liệu, trang thiết bị y tế)	Số hiệu văn bản	x	x		Y. Tái theo lô dữ liệu; Oh hàng ngày	x	A. Hỗ trợ phân loại rủi ro, phân luồng, kiểm tra, giám sát trong thủ tục hải quan và hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; 5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1.2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20
		Ngày ban hành văn bản	x	x		nt	x	nt			1.2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20
		Trích yếu văn bản	x	x		nt	x	nt			1.2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20
		Ngày hiệu lực	x	x		nt	x	nt			1.2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20
		Mã số HS	x	x		nt	x	nt			1.2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20
		Danh mục hàng hóa	x	x		nt	x	nt			1.2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20
		Tên hàng.	x	x		nt	x	nt			1.2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20
		Nhóm hàng hóa	x	x		nt	x	nt			1.2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20
		Xuất xứ hàng hóa	x	x		nt		nt			1.2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20
		Nội dung quy định khác (nếu có)	x	x		nt		nt			1.2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20

5	Hàng hóa thuộc Danh mục loãi, chủng lo	Số hiệu văn bản	x	x		Y. Tái theo lô dữ liệu; 0h hàng ngày	x	A. Hỗ trợ phân loại rủi ro, phân luồng, kiểm tra, giám sát trong thủ tục hải quan và hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; 5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Ngày ban hành văn bản	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Trích yếu văn bản	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Ngày hiệu lực	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Mã số HS	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Danh mục hàng hóa	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Tên hàng	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Nhóm hàng hóa	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Xuất xứ hàng hóa	x	x		nt		nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Nội dung quy định khác (nếu có)	x	x		nt		nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
6	Hàng hóa thuộc chính sách cấp Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành (hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế)	Số hiệu văn bản	x	x		Y. Tái theo lô dữ liệu; 0h hàng ngày	x	A. Hỗ trợ phân loại rủi ro, phân luồng, kiểm tra, giám sát trong thủ tục hải quan và hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; 5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Ngày ban hành văn bản	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Trích yếu văn bản	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Ngày hiệu lực	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Mã số HS	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Danh mục hàng hóa	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Tên hàng.	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Nhóm hàng hóa	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Xuất xứ hàng hóa	x	x		nt		nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Nội dung quy định khác (nếu có)	x	x		nt		nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20

7	Hàng hóa thuộc chính sách về hạn ngạch	Số hiệu văn bản	x	x		Y. Tái theo lô dữ liệu; Oh hàng ngày	x	A. Hỗ trợ phân loại rủi ro, phân luồng, kiểm tra, giám sát trong thủ tục hải quan và hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; 5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Ngày ban hành văn bản	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Trích yếu văn bản	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Ngày hiệu lực	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Mã số HS	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Danh mục hàng hóa	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Tên hàng.	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Nhóm hàng hóa	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Xuất xứ hàng hóa	x	x		nt		nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Nội dung quy định khác (nếu có)	x	x		nt		nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
8	Hàng hóa thuộc chính sách về kiểm tra chất lượng	Số hiệu văn bản	x	x		Y. Tái theo lô dữ liệu; Oh hàng ngày	x	A. Hỗ trợ phân loại rủi ro, phân luồng, kiểm tra, giám sát trong thủ tục hải quan và hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; 5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; 6. Các cách số 5 tại Điểm d khoản 3 Điều 1 Quyết định số 38/QĐ-TTg ngày 12/01/2021 phê duyệt Đề án cải cách mô hình kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất nhập khẩu.	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Ngày ban hành văn bản	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Trích yếu văn bản	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Ngày hiệu lực	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Mã số HS	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Danh mục hàng hóa	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Tên hàng.	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Nhóm hàng hóa	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Xuất xứ hàng hóa	x	x		nt		nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Nội dung quy định khác (nếu có)	x	x		nt		nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20

9	Hàng hóa thuộc chính sách về kiểm dịch	Số hiệu văn bản	x	x		Y. Tái theo lô dữ liệu; Ôh hàng ngày	x	A. Hỗ trợ phân loại rủi ro, phân luồng, kiểm tra, giám sát trong thủ tục hải quan và hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ- CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; 5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ- CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Ngày ban hành văn bản	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Trích yếu văn bản	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Ngày hiệu lực	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Mã số HS	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Danh mục hàng hóa	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Tên hàng.	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Nhóm hàng hóa	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Xuất xứ hàng hóa	x	x		nt		nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Nội dung quy định khác (nếu có)	x	x		nt		nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
10	Hàng hóa thuộc chính sách về kiểm tra an toàn thực phẩm	Số hiệu văn bản	x	x		Y. Tái theo lô dữ liệu; Ôh hàng ngày	x		1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ- CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; 5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ- CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; 6. Các cách số 5 tại Điểm d khoản 3 Điều 1 Quyết định số 38/QĐ-TTg ngày 12/01/2021 phê duyệt Đề án cải cách mô hình kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất nhập khẩu.	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Ngày ban hành văn bản	x	x		nt	x				1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Trích yếu văn bản	x	x		nt	x				1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Ngày hiệu lực	x	x		nt	x				1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Mã số HS	x	x		nt	x				1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Danh mục hàng hóa	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Tên hàng.	x	x		nt	x				1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Nhóm hàng hóa	x	x		nt	x				1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Xuất xứ hàng hóa	x	x		nt		nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Nội dung quy định khác (nếu có)	x	x		nt		nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20

11	Hàng hóa thuộc chính sách quản lý chuyên ngành khác liên quan đến hàng hóa XNK (nếu có)	Số hiệu văn bản	x	x		Y. Tái theo lô dữ liệu; 0h hàng ngày	x		1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; 5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Ngày ban hành văn bản	x	x		nt	x				1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Trích yếu văn bản	x	x		nt	x				1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Ngày hiệu lực	x	x		nt	x				1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Mã số HS	x	x		nt	x				1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Danh mục hàng hóa	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Tên hàng.	x	x		nt	x				1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Nhóm hàng hóa	x	x		nt	x				1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Xuất xứ hàng hóa	x	x		nt		nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Nội dung quy định khác (nếu có)	x	x		nt		nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
A.2	Thông tin về quy trình thủ tục, hồ sơ phải nộp đối với hàng hóa XK, NK thuộc diện quản lý chuyên ngành										1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
12	Quy trình, hồ sơ cấp giấy phép: - Xuất khẩu, nhập khẩu Thuốc phải kiểm soát đặc biệt; - Xuất khẩu nguyên liệu làm thuốc là được chất hướng thần, được chất gây nghiện, tiền chất dùng làm thuốc; - Xuất khẩu Dược liệu thuốc danh mục loài, chủng loại được liệu quý, hiếm, đặc hữu phải kiểm soát; - Nhập khẩu được liệu không sử dụng làm mẫu kiểm nghiệm, nghiên cứu thuốc, tham gia trưng bày tại triển lãm, hội chợ, sản xuất thuốc xuất khẩu, sản xuất thuốc phục vụ yêu cầu quốc phòng, an ninh, phòng, chống dịch bệnh, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa. - Nhập khẩu Thuốc, nguyên liệu làm thuốc chưa có giấy đăng ký lưu hành thuốc tại Việt Nam; - Nhập khẩu thuốc đáp ứng yêu cầu điều trị đặc biệt; - Nhập khẩu thuốc có cùng tên thương mại, thành phần hoạt chất, hàm lượng hoặc nồng độ, dạng bào chế với biệt được gốc có giấy đăng ký lưu hành thuốc tại Việt Nam, được sản xuất bởi chính nhà sản xuất biệt được gốc hoặc	Số hiệu văn bản	x	x		Y. Tái theo lô dữ liệu; 0h hàng ngày	x	B. Tạo điều kiện cho nhà nhập khẩu, xuất khẩu và tổ chức thương mại tra cứu thông tin hướng dẫn và thực hiện các thủ tục hành chính	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu 5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu 6. Điểm d khoản 1 Điều 26 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Ngày ban hành văn bản	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Trích yếu văn bản	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20

		Ngày hiệu lực	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Mã số HS	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Danh mục hàng hóa (nếu có)	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Tên hàng, nhóm hàng	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Nội dung quy định về trình tự thủ tục;	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Thành phần hồ sơ	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Thời gian thực hiện	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Xuất xứ hàng hóa (nếu có)	x	x		nt		nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Cơ quan có thẩm quyền thực hiện	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
13	Quy trình, hồ sơ cấp Giấy chứng nhận lưu hành (các mặt hàng như trang thiết bị y tế, thuốc, dược liệu...)	Số hiệu văn bản	x	x		Y. Tái theo lô dữ liệu; Oh hàng ngày	x	A. Hỗ trợ phân loại rủi ro, phân luồng, kiểm tra, giám sát trong thủ tục hải quan và hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu 5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu 6. Điểm d khoản 1 Điều 26 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Ngày ban hành văn bản	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Trích yếu văn bản	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Ngày hiệu lực	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Mã số HS	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Danh mục hàng hóa (nếu có)	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Tên hàng, nhóm hàng	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Nội dung quy định về trình tự thủ tục;	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Thành phần hồ sơ	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Thời gian thực hiện	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Xuất xứ hàng hóa (nếu có)	x	x		nt		nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Cơ quan có thẩm quyền thực hiện	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	

14	Quy trình, hồ sơ kiểm tra an toàn thực phẩm	Số hiệu văn bản	x	x		Y. Tái theo lô dữ liệu; Oh hàng ngày	x	A. Hỗ trợ phân loại rủi ro, phân luồng, kiểm tra, giám sát trong thủ tục hải quan và hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; 5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; 6. Điểm d khoản 1 Điều 26 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; 7. Cải cách số 5 tại Điểm d khoản 3 Điều 1 Quyết định số 38/QĐ-TTg ngày 12/01/2021 phê duyệt Đề án cải cách mô hình kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất nhập khẩu;	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Ngày ban hành văn bản	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Trích yếu văn bản	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Ngày hiệu lực	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Mã số HS	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Danh mục hàng hóa (nếu có)	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Tên hàng, nhóm hàng	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Nội dung quy định về trình tự thủ tục;	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Thành phần hồ sơ	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Thời gian thực hiện	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Xuất xứ hàng hóa (nếu có)	x	x		nt		nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Cơ quan có thẩm quyền thực hiện	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
15	Quy trình, hồ sơ cấp giấy phép hạn ngạch	Số hiệu văn bản	x	x		Y. Tái theo lô dữ liệu; Oh hàng ngày	x	A. Hỗ trợ phân loại rủi ro, phân luồng, kiểm tra, giám sát trong thủ tục hải quan và hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; 5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; 6. Điểm d khoản 1 Điều 26 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Ngày ban hành văn bản	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Trích yếu văn bản	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Ngày hiệu lực	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Mã số HS	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Danh mục hàng hóa (nếu có)	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Tên hàng, nhóm hàng	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Nội dung quy định về trình tự thủ tục;	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Thành phần hồ sơ	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20

		Thời gian thực hiện	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Xuất xứ hàng hóa (nếu có)	x	x		nt		nt				
		Cơ quan có thẩm quyền thực hiện	x	x		nt	x	nt				
16	Quy trình, hồ sơ thực hiện thủ tục quản lý chuyên ngành khác	Số hiệu văn bản	x	x		Y. Tái theo lô dữ liệu; Ồn hàng ngày	x		A. Hỗ trợ phân loại rủi ro, phân luồng, kiểm tra, giám sát trong thủ tục hải quan và hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu 5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu 6. Điểm d khoản 1 Điều 26 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20
		Ngày ban hành văn bản	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Trích yếu văn bản	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
16		Ngày hiệu lực	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Mã số HS	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Danh mục hàng hóa (nếu có)	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Tên hàng, nhóm hàng	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Nội dung quy định về trình tự thủ tục;	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Thành phần hồ sơ	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Thời gian thực hiện	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Xuất xứ hàng hóa (nếu có)	x	x		nt		nt				
		Cơ quan có thẩm quyền thực hiện	x	x		nt	x	nt				
17	Thông tin về quy chuẩn kỹ thuật đối với hàng hoá xuất nhập khẩu thuộc quản lý của Bộ y tế	Số hiệu văn bản	x	x		Y. Tái theo lô dữ liệu; Ồn hàng ngày	x		B. Tạo điều kiện cho nhà nhập khẩu, xuất khẩu và tổ chức thương mại tra cứu thông tin hướng dẫn và thực hiện các thủ tục hành chính	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu 5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu 6. Điểm d khoản 1 Điều 26 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20
		Ngày ban hành văn bản	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Trích yếu văn bản	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Ngày hiệu lực	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Số TCVN/QCVN	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Mã số HS	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Tên hàng	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Nội dung tiêu chuẩn/quy chuẩn	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	

		Phương pháp thử	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Thông tin khác	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
A.3	Nhóm thông tin về kết quả thực hiện thủ tục hành chính, cấp phép, kiểm tra chuyên ngành xuất nhập khẩu											
18	Thông tin về kết quả lô hàng/doanh nghiệp được cấp giấy phép : - Xuất khẩu, nhập khẩu Thuốc phải kiểm soát đặc biệt; - Xuất khẩu nguyên liệu làm thuốc là được chất hướng thần, được chất gây nghiện, tiền chất dùng làm thuốc; - Xuất khẩu Dược liệu thuốc danh mục loài, chủng loại được liệu quý, hiếm, đặc hữu phải kiểm soát; - Nhập khẩu dược liệu không sử dụng làm mẫu kiểm nghiệm, nghiên cứu thuốc, tham gia trưng bày tại triển lãm, hội chợ, sản xuất thuốc xuất khẩu, sản xuất thuốc phục vụ yêu cầu quốc phòng, an ninh, phòng, chống dịch bệnh, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa. - Nhập khẩu Thuốc, nguyên liệu làm thuốc chưa có giấy đăng ký lưu hành thuốc tại Việt Nam; - Nhập khẩu thuốc đáp ứng yêu cầu điều trị đặc biệt; - Nhập khẩu thuốc có cùng tên thương mại, thành phần hoạt chất, hàm lượng hoặc nồng độ, dạng bào chế với biệt được gốc có giấy đăng ký lưu hành thuốc tại Việt Nam, được sản xuất bởi	Số Giấy phép	x	x	x	X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cấp nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới	x	A. Hỗ trợ phân loại rủi ro, phân luồng, kiểm tra, giám sát trong thủ tục hải quan và hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; 5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Ngày giấy phép	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Thời hạn hiệu lực của Giấy phép	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Mã số HS	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Tên hàng hóa	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Mã số Doanh nghiệp	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Tên Doanh nghiệp	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Địa chỉ doanh nghiệp	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Nước xuất xứ, đối tác xuất khẩu/nhập khẩu (nếu có).	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Số lượng, khối lượng hàng hóa.	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Số vận đơn	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Số hóa đơn	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Số hợp đồng	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Cửa khẩu xuất/nhập	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Số tờ khai hải quan (nếu có)	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Thông tin khác (nếu có)	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	

19	Thông tin về lô hàng/doanh nghiệp đã được cấp số đăng ký kiểm tra/kết quả kiểm tra an toàn thực phẩm (đạt/không đạt)	Số đăng ký kiểm tra/kết quả kiểm tra	x	x		X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cấp nhất, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới	x	A. Hỗ trợ phân loại rủi ro, phân luồng, kiểm tra, giám sát trong thủ tục hải quan và hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; 5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; 6. Các cách số 5 tại Điểm d khoản 3 Điều 1 Quyết định số 38/QĐ-TTg ngày 12/01/2021 phê duyệt Đề án cải cách mô hình kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất nhập khẩu.	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Ngày đăng ký kiểm tra/kết quả kiểm tra	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Mã số HS	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Tên hàng hóa	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Thông tin sản phẩm của mặt hàng (số lượng sản phẩm, số lô sản xuất, ngày sản xuất, hạn sử dụng)	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Mã số Doanh nghiệp	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Tên Doanh nghiệp	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Địa chỉ doanh nghiệp	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Nước xuất xứ, đối tác xuất khẩu/nhập khẩu (nếu có).	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Số Tờ khai hải quan (nếu có)	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Kết quả kiểm tra: đạt/không đạt	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Lý do kiểm tra không đạt (nếu có)	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Thông tin khác (nếu có)	x	x		X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cấp nhất, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới	x	A. Hỗ trợ phân loại rủi ro, phân luồng, kiểm tra, giám sát trong thủ tục hải quan và hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
20	Thông tin về lô hàng/doanh nghiệp đã được cấp Giấy tiếp nhận đăng ký bán công bố sản phẩm về an toàn thực phẩm	Số Giấy tiếp nhận	x	x		nt	x	nt	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; 5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; 6. Các cách số 5 tại Điểm d khoản 3 Điều 1 Quyết định số 38/QĐ-TTg ngày 12/01/2021 phê duyệt Đề án cải cách mô hình kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất nhập khẩu.	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Ngày cấp	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Cơ quan cấp	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Mã số HS	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Tên hàng hóa	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Thông tin của hàng hóa (số lượng sản phẩm, số lô sản xuất, ngày sản xuất, hạn sử dụng) (nếu có)	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20

		Mã số Doanh nghiệp	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Tên Doanh nghiệp	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Địa chỉ doanh nghiệp	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Nước xuất xứ, đối tác xuất khẩu/nhập khẩu (nếu có).	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Số Tờ khai hải quan (nếu có)	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Kết quả kiểm tra: đạt/không đạt	x	x		X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cấp nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới	x	A. Hỗ trợ phân loại rủi ro, phân luồng, kiểm tra, giám sát trong thủ tục hải quan và hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Số quyết định thu hồi hiệu lực Giấy Tiếp nhận (nếu có)	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Thông tin khác (nếu có)	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
21	Thông tin về lô hàng/doanh nghiệp đã có kết quả thực hiện thủ tục cấp số đăng ký lưu hành đối với các hàng hóa là trang thiết bị y tế	Số đăng ký kiểm tra/kết quả kiểm tra	x	x		nt	x	nt	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; 5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Ngày đăng ký kiểm tra/kết quả kiểm tra	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Mã số HS	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Tên hàng hóa	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Số lượng, khối lượng hàng hóa	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Mã số Doanh nghiệp	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Tên Doanh nghiệp	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Địa chỉ doanh nghiệp	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Nước xuất xứ, đối tác xuất khẩu/nhập khẩu (nếu có).	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Số Tờ khai hải quan (nếu có)	x	x		X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cấp nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới	x	A. Hỗ trợ phân loại rủi ro, phân luồng, kiểm tra, giám sát trong thủ tục hải quan và hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Kết quả kiểm tra: đạt/không đạt	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Thông tin khác (nếu có)	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	

22	Thông tin về lô hàng/doanh nghiệp đã có kết quả thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận lưu hành đối với các hàng hóa bao gồm: hóa chất chế phẩm diệt côn trùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế, dược liệu, thuốc và nguyên liệu làm thuốc	Số Giấy chứng nhận	x	x		nt	x	nt	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; 5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Ngày cấp	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Cơ quan cấp	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Mã số HS	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Tên hàng hóa	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Thông tin hàng hóa (số lượng sản phẩm, số lô sản xuất, hạn sử dụng)	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Mã số Doanh nghiệp	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Tên Doanh nghiệp	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Địa chỉ doanh nghiệp	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Nước xuất xứ, đối tác xuất khẩu/nhập khẩu (nếu có).	x	x		X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cấp nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới	x	A. Hỗ trợ phân loại rủi ro, phân luồng, kiểm tra, giám sát trong thủ tục hải quan và hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Số tờ khai hải quan (nếu có)	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Kết quả kiểm tra: đạt/không đạt	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Lý do kiểm tra không đạt (nếu có)	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Thông tin khác (nếu có)	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
23	Thông tin về kết quả phân loại trang thiết bị y tế	Tên trang thiết bị y tế	x	x		X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cấp nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới	x	A. Hỗ trợ phân loại rủi ro, phân luồng, kiểm tra, giám sát trong thủ tục hải quan và hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; 5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Mã số HS	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Mức độ rủi ro	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Số văn bản ban hành kết quả phân loại	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Đơn vị yêu cầu phân loại	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20

24	Thông tin về lô hàng/doanh nghiệp đã có kết quả thực hiện thủ tục cấp Giấy phép nhập khẩu thuốc phải kiểm soát đặc biệt có giấy đăng ký lưu hành thuốc tại Việt Nam	Số Giấy phép	x	x		nt	x	nt	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; 5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Ngày giấy phép	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Thời hạn hiệu lực của Giấy phép	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Tên hàng hóa	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Mã số HS	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Nhóm hàng hóa (nếu có)	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Danh mục hàng hóa	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Mã số Doanh nghiệp	x	x	x	X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cấp nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới	x	A. Hỗ trợ phân loại rủi ro, phân luồng, kiểm tra, giám sát trong thủ tục hải quan và hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Tên Doanh nghiệp	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Địa chỉ doanh nghiệp	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Nước xuất xứ, đối tác xuất khẩu/nhập khẩu (nếu có)	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Số lượng, khối lượng hàng hóa	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Số vận đơn	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Số hóa đơn	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Số hợp đồng	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Cửa khẩu xuất/nhập	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Số tờ khai hải quan	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Thông tin khác (nếu có)	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
25	Thông tin về lô hàng/doanh nghiệp đã có kết quả thực hiện thủ tục quản lý chuyên ngành khác đối với hàng hóa xuất khẩu nhập khẩu	Số đăng ký kiểm tra/kết quả cấp phép	x	x		nt	x	nt	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; 5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Ngày đăng ký kiểm tra/kết quả kiểm tra	x	x		X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cấp nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới	x				1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Mã số HS	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Tên hàng hóa	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Số lượng, khối lượng hàng hóa	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Mã số Doanh nghiệp	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	

		Tên Doanh nghiệp	x	x		nt	x	nt				
		Địa chỉ doanh nghiệp	x	x	x	nt	x	nt				
		Nước xuất xứ, đối tác xuất khẩu/nhập khẩu (nếu có).	x	x		X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cập nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới	x	A. Hỗ trợ phân loại rủi ro, phân luồng, kiểm tra, giám sát trong thủ tục hải quan và hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành				
		Số Tờ khai hải quan (nếu có)	x	x		nt	x	nt				
		Kết quả kiểm tra: đạt/không đạt	x	x		nt	x	nt				
		Thông tin khác (nếu có)	x	x		nt	x	nt				
26	Thông tin về lô hàng, doanh nghiệp được Bộ Y tế xác nhận thuộc diện miễn kiểm tra chuyên ngành	Mã số HS	x	x		nt	x	nt	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; 5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Tên hàng hóa	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Mã số DN	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Địa chỉ doanh nghiệp	x	x	x	X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cập nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới	x	A. Hỗ trợ phân loại rủi ro, phân luồng, kiểm tra, giám sát trong thủ tục hải quan và hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Tên Doanh nghiệp	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Nước xuất xứ, đối tác xuất khẩu/nhập khẩu (nếu có).	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Thông tin khác	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
27	Danh sách các mặt hàng của các doanh nghiệp được áp dụng phương thức kiểm tra giám	Mã số HS	x	x		nt	x	nt	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; 5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Tên hàng hóa	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Mã số DN	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Địa chỉ doanh nghiệp	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Tên Doanh nghiệp	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Nước xuất xứ, đối tác xuất khẩu/nhập khẩu (nếu có).	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Thông tin khác	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
28	Thông tin hàng hóa phải áp dụng kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm nhập khẩu theo phương thức kiểm tra chặt.	Mã số HS	x	x		X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cập nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới	x	A. Hỗ trợ phân loại rủi ro, phân luồng, kiểm tra, giám sát trong thủ tục hải quan và hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; 5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	

		Tên hàng hóa	x	x		Y. Tái theo lô dữ liệu; Oh hàng ngày	x	A. Hỗ trợ phân loại rủi ro, phân luồng, kiểm tra, giám sát trong thủ tục hải quan và hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,1 1,12,13,14,15,16,17,1 8,19, 20	
		Mã số doanh nghiệp	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,1 1,12,13,14,15,16,17,1 8,19, 20	
		Địa chỉ doanh nghiệp	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,1 1,12,13,14,15,16,17,1 8,19, 20	
		Tên Doanh nghiệp	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,1 1,12,13,14,15,16,17,1 8,19, 20	
		Nước xuất xứ, đối tác xuất khẩu/nhập khẩu (nếu có).	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,1 1,12,13,14,15,16,17,1 8,19, 20	
		Số văn bản thông báo áp dụng	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,1 1,12,13,14,15,16,17,1 8,19, 20	
		Ngày ban hành	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,1 1,12,13,14,15,16,17,1 8,19, 20	
		Hiệu lực áp dụng	x	x		Y. Tái theo lô dữ liệu; Oh hàng ngày	x	A. Hỗ trợ phân loại rủi ro, phân luồng, kiểm tra, giám sát trong thủ tục hải quan và hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,1 1,12,13,14,15,16,17,1 8,19, 20	
		Nội dung kiểm tra	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,1 1,12,13,14,15,16,17,1 8,19, 20	
		Cơ quan thông báo	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,1 1,12,13,14,15,16,17,1 8,19, 20	
		Thông tin khác (nếu có)	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,1 1,12,13,14,15,16,17,1 8,19, 20	
29	Thông tin về hàng hóa, doanh nghiệp thuộc đối tượng cảnh báo nguy cơ vi phạm về chất lượng của Bộ Y tế hoặc của cơ quan có thẩm quyền tại nước ngoài hoặc của nhà sản xuất thuộc quản lý của Bộ y tế	Số hiệu văn bản	x	x		nt	x	nt	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Khoản 3 Điều 27 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; 5. Các cách số 5 tại Điểm d khoản 3 Điều 1 Quyết định số 38/QĐ-TTg ngày 12/01/2021 phê duyệt Đề án cải cách mô hình kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất nhập khẩu.	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	16, 19B	
		Ngày ban hành văn bản	x	x		nt	x	nt			16, 19B	
		Trích yếu văn bản	x	x		nt	x	nt			16, 19B	
		Mã HS	x	x		nt	x	nt			16, 19B	
		Tên hàng hóa	x	x		Y. Tái theo lô dữ liệu; Oh hàng ngày	x	nt			16, 19B	
		Xuất xứ hàng hóa	x	x		nt	x	nt			16, 19B	
		Mã số DN	x	x		nt	x	nt			16, 19B	
		Tên DN	x	x		nt	x	nt			16, 19B	
		Địa chỉ doanh nghiệp (nếu có)	x	x	x	nt	x	nt			16, 19B	
		Nội dung cảnh báo	x	x		nt	x	nt			16, 19B	
		Biện pháp quản lý	x	x		X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cập nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới		C. Đối với nhà nhập khẩu, nhà xuất khẩu, hành khách, tổ chức thương mại, đối tác chuỗi cung ứng và xu hướng tuần thủ biến giới; để tận dụng thông tin mới và kết quả của hoạt động kiểm tra và đánh giá tuần thủ trong các phần tích rủi ro liên tục			16, 19B	
A.4	Nhóm thông tin quản lý khác liên quan đến xuất nhập khẩu										1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,1 1,12,13,14,15,16,17,1 8,19, 20	
30	Danh sách cơ sở kinh doanh được thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu thuộc theo Điều 92 của Nghị định số 54/2017/NĐ-CP	Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh	x	x				1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; 5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,1 1,12,13,14,15,16,17,1 8,19, 20		
		Ngày cấp	x	x							1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,1 1,12,13,14,15,16,17,1 8,19, 20	
		Tên cơ sở kinh doanh được	x	x							1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,1 1,12,13,14,15,16,17,1 8,19, 20	

		Mã số DN	x	x								1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Địa chỉ doanh nghiệp	x	x	x							1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Tên tổ chức/cá nhân	x	x								1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Tên hàng hóa	x	x								1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
31	Thông tin về Phiếu kiểm nghiệm của cơ sở sản xuất cho từng lô được liệu, bán thành phẩm được liệu nhập khẩu có đóng dấu của cơ sở nhập khẩu theo Điều 92 của Nghị định số 54/2017/NĐ-CP	Số phiếu kiểm nghiệm	x	x						1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; 5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Ngày cấp	x	x								1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Ngày hết hiệu lực	x	x								1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Tên cơ sở NK được	x	x								1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Mã số DN	x	x		X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cấp nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới		C. Đối với nhà nhập khẩu, nhà xuất khẩu, hành khách, tổ chức thương mại, đối tác chuỗi cung ứng và xu hướng tuần thủ biến giới; để tận dụng thông tin mới và kết quả của hoạt động kiểm tra và đánh giá tuần thủ trong các phân tích rủi ro liên tục				1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Địa chỉ doanh nghiệp	x	x	x							1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Tên cơ sở sản xuất	x	x								1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Tên hàng hóa	x	x								1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
32	Tổ chức đánh giá sự phù hợp/ cơ sở kiểm nghiệm do Bộ quản lý ngành lĩnh vực chỉ định/ thừa nhận	Số hiệu văn bản	x	x						1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu 5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu 6. Điểm d khoản 1 Điều 26 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Ngày văn bản	x	x								1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Mã số thuế	x	x								1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Tên tổ chức được thừa nhận/chỉ định hoặc Cơ sở kiểm nghiệm do Bộ Y tế chỉ định	x	x								1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Địa chỉ tổ chức	x	x								1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Hàng hóa được chỉ định/thừa nhận	x	x								1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
33	Thông tin về Tổ chức có thẩm quyền của nước đã ký kết Điều ước quốc tế thừa nhận lẫn nhau trong hoạt động kiểm tra an toàn thực phẩm mà Việt Nam là thành viên	Tên tổ chức	x	x		nt	x	nt				1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Tên hàng hóa	x	x		nt	x	nt				1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Văn bản quy định (nếu có)	x	x		nt	x	nt				1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	

34	Thông tin về cơ sở áp dụng một trong các hệ thống quản lý chất lượng GMP, HACCP, ISO 22000, IFS, BRC, FSSC 22000 hoặc tương đương: tên cơ sở, hàng hóa.	Tên cơ sở	x	x			nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,1 1,12,13,14,15,16,17,1 8,19, 20
		Tên hàng hóa	x	x			nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,1 1,12,13,14,15,16,17,1 8,19, 20
		Hệ thống chất lượng áp dụng	x	x			nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,1 1,12,13,14,15,16,17,1 8,19, 20
		Văn bản quy định (nếu có)	x	x			nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,1 1,12,13,14,15,16,17,1 8,19, 20
35	Thông tin vi phạm pháp luật hành chính của tổ chức về hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa		x	x						Điều 27. Luật công nghệ thông tin 2006 Khoản 7 Điều 3 Thông tư liên tịch số 98/2010/TTLT/BTC-BNNPTNT-BYT ngày 08 tháng 07 năm 2010 của Bộ Tài chính - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Y tế hướng dẫn thực hiện cung cấp, trao đổi thông tin liên quan đến người nộp thuế, quản lý nhà nước về hải quan, nông nghiệp và y tế	Chưa có, đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,1 1,12,13,14,15,16,17,1 8,19, 20
		Số quyết định										1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,1 1,12,13,14,15,16,17,1 8,19, 20
		Ngày quyết định										1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,1 1,12,13,14,15,16,17,1 8,19, 20
		Đơn vị ra quyết định										1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,1 1,12,3,14,15,16,17,1 8,19, 20
		Tên tổ chức					X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cấp nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới		C. Đối với nhà nhập khẩu, nhà xuất khẩu, hành khách, tổ chức thương mại, đối tác chuỗi cung ứng và xu hướng tuần thủ biến giới; để tận dụng thông tin mới và kết quả của hoạt động kiểm tra và đánh giá tuần thủ trong các phân tích rủi ro liên tục			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,1 1,12,13,14,15,16,17,1 8,19, 20
		Mã số thuế										1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,1 1,12,13,14,15,16,17,1 8,19, 20
		Hành vi vi phạm										1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,1 1,12,13,14,15,16,17,1 8,19, 20
		Tên hàng hóa										1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,1 1,12,13,14,15,16,17,1 8,19, 20
		Mã HS										1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,1 1,12,13,14,15,16,17,1 8,19, 20
		Thuộc Tờ khai hải quan số(nếu có)										1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,1 1,12,13,14,15,16,17,1 8,19, 20
		Hình thức xử phạt (chính, bổ sung)										1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,1 1,12,13,14,15,16,17,1 8,19, 20
		Số tiền xử phạt										1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,1 1,12,13,14,15,16,17,1 8,19, 20
		Biện pháp khắc phục hậu quả										1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,1 1,12,13,14,15,16,17,1 8,19, 20
36	Thông tin vi phạm pháp luật hành chính của cá nhân về hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa		x	x			X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cấp nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới		C. Đối với nhà nhập khẩu, nhà xuất khẩu, hành khách, tổ chức thương mại, đối tác chuỗi cung ứng và xu hướng tuần thủ biến giới; để tận dụng thông tin mới và kết quả của hoạt động kiểm tra và đánh giá tuần thủ trong các phân tích rủi ro liên tục	Điều 27. Luật công nghệ thông tin 2006 Khoản 7 Điều 3 Thông tư liên tịch số 98/2010/TTLT/BTC-BNNPTNT-BYT ngày 08 tháng 07 năm 2010 của Bộ Tài chính - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Y tế hướng dẫn thực hiện cung cấp, trao đổi thông tin liên quan đến người nộp thuế, quản lý nhà nước về hải quan, nông nghiệp và y tế	Chưa có, đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,1 1,12,13,14,15,16,17,1 8,19, 20
		Số quyết định										1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,1 1,12,13,14,15,16,17,1 8,19, 20
		Ngày quyết định										1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,1 1,12,13,14,15,16,17,1 8,19, 20
		Đơn vị ra quyết định										1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,1 1,12,13,14,15,16,17,1 8,19, 20
		Tên người vi phạm										1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,1 1,12,13,14,15,16,17,1 8,19, 20
		Số CMND/CCCD/HC										1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,1 1,12,13,14,15,16,17,1 8,19, 20
		Mã số thuế (nếu có)										1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,1 1,12,13,14,15,16,17,1 8,19, 20
		Hành vi vi phạm										1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,1 1,12,13,14,15,16,17,1 8,19, 20
		Tên hàng hóa										1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,1 1,12,13,14,15,16,17,1 8,19, 20
		Mã HS										1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,1 1,12,13,14,15,16,17,1 8,19, 20

		Thuộc Tờ khai hải quan số(nếu có)										1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Hình thức xử phạt (chính, bổ sung)										1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Số tiền xử phạt										1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Biện pháp khắc phục hậu quả										1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
37	Kết luận thanh tra, kiểm tra về hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa		x	x		X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cập nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới		C. Đối với nhà nhập khẩu, nhà xuất khẩu, hàng khách, tổ chức thương mại, đối tác chuỗi cung ứng và xu hướng tuần thủ biên giới; để tận dụng thông tin mới và kết quả của hoạt động kiểm tra và đánh giá tuần thủ trong các phân tích rủi ro liên tục	Điều 27. Luật công nghệ thông tin 2006; Điều 27 Nghị định số 07/2012/NĐ-CP ngày 09/02/2012 của Chính phủ quy định về cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động thanh tra chuyên ngành	Chưa có, đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20		
		Mã số thuế/CMND/CCCD/HC										1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Tên doanh nghiệp/cá nhân										1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Số quyết định										1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Ngày quyết định										1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Thời gian tiến hành thanh tra										1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Nội dung thanh tra, kiểm tra										1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Kết luận (vi phạm / không vi phạm)										1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
38	Thông tin các dự án quan trọng quốc gia	Tên dự án	x	x		X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cập nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới	x	B. Tạo điều kiện cho nhà nhập khẩu, xuất khẩu và tổ chức thương mại tra cứu thông tin hướng dẫn và thực hiện các thủ tục hành chính	Điểm a, Khoản 2 Điều 98 Nghị định 08/2015/NĐ-CP	Chưa rõ ràng	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20		
		Mức đầu tư của dự án	x	x		X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cập nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới	x	B. Tạo điều kiện cho nhà nhập khẩu, xuất khẩu và tổ chức thương mại tra cứu thông tin hướng dẫn và thực hiện các thủ tục hành chính			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20		
		Thời gian thực hiện dự án	x	x		X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cập nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới	x	B. Tạo điều kiện cho nhà nhập khẩu, xuất khẩu và tổ chức thương mại tra cứu thông tin hướng dẫn và thực hiện các thủ tục hành chính			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20		
		Thời gian hoàn thành dự án	x	x		X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cập nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới	x	B. Tạo điều kiện cho nhà nhập khẩu, xuất khẩu và tổ chức thương mại tra cứu thông tin hướng dẫn và thực hiện các thủ tục hành chính			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20		
		Tên chủ đầu tư	x	x		X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cập nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới	x	B. Tạo điều kiện cho nhà nhập khẩu, xuất khẩu và tổ chức thương mại tra cứu thông tin hướng dẫn và thực hiện các thủ tục hành chính			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20		
		Mã số thuế	x	x		X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cập nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới	x	B. Tạo điều kiện cho nhà nhập khẩu, xuất khẩu và tổ chức thương mại tra cứu thông tin hướng dẫn và thực hiện các thủ tục hành chính			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20		

39	Thông tin các doanh nghiệp thực hiện dự án quan trọng quốc gia	Tên doanh nghiệp	x	x		X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cập nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới	x	B. Tạo điều kiện cho nhà nhập khẩu, xuất khẩu và tổ chức thương mại tra cứu thông tin hướng dẫn và thực hiện các thủ tục hành chính	Điểm a, Khoản 2 Điều 98 Nghị định 08/2015/NĐ-CP	Chưa rõ ràng	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Mã số doanh nghiệp	x	x		X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cập nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới	x	B. Tạo điều kiện cho nhà nhập khẩu, xuất khẩu và tổ chức thương mại tra cứu thông tin hướng dẫn và thực hiện các thủ tục hành chính			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Địa chỉ	x	x		X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cập nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới	x	B. Tạo điều kiện cho nhà nhập khẩu, xuất khẩu và tổ chức thương mại tra cứu thông tin hướng dẫn và thực hiện các thủ tục hành chính			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Tên dự án	x	x		X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cập nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới	x	B. Tạo điều kiện cho nhà nhập khẩu, xuất khẩu và tổ chức thương mại tra cứu thông tin hướng dẫn và thực hiện các thủ tục hành chính			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	